

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 13/2024/HS-ST
Ngày 19-3-2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lộc Văn Chung

Ông Hoàng Văn Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Lành Văn T, sinh ngày 24 tháng 9 năm 1984 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Lành Văn T1 và bà: Ma Thị V; vợ: Lộc Thị T, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/11/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lộc Bình đến nay; có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã X, huyện L – người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn C – Công chức địa chính nông nghiệp – Xây dựng và môi trường xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng vụ án hình sự số 183/QĐ-UBND ngày 21/12/2023); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02ha (hai héc ta) rừng sản xuất tại khu đồi Mạ Tàn thuộc thôn P, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn bị người dân tự ý chặt phá. Sau khi tiếp nhận, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lộc Bình đã phối hợp với các lực lượng chức năng tổ chức khám nghiệm hiện trường và tiến hành các hoạt động điều tra thu thập tài liệu chứng cứ khác theo quy định pháp luật.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường ngày 20/9/2023 cho kết quả: Hiện trường chung là tại khu rừng M, thuộc thôn P, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Hiện trường cụ thể được xác định tại lô 6a, lô 07, khoảnh 5, tiểu khu 433, Bản đồ hiện trạng rừng xã X, huyện L năm 2022, đối chiếu với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã X, huyện L năm 2009 là thuộc thửa đất số 229, khoảnh 5, tiểu khu 433; quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên, ký hiệu RSN. Khu vực rừng bị chặt phá (có cây) có diện tích là 21.549m², tương đương 2,15ha (hai phẩy mười năm héc ta). Tiến hành kiểm đếm trên khu vực các cây tự nhiên bị cưa hạ, phát hiện tổng số có 370 cây, gồm các loại cây gỗ tạp thuộc loại thực vật gỗ thông thường có đường kính gốc từ vị trí 1,3m là từ 05cm đến trên 30cm, chiều cao vút ngọn từ 03m đến 20m.

Xác định khối lượng gỗ bị cưa hạ là 36,540m³ (ba mươi sáu phẩy năm mươi tư mét khối). Kiểm tra số gốc cây bị cưa hạ có tổng số gốc là 370 gốc, có đường kính từ 06cm - 46cm: Trong đó loại có đường kính từ 05cm - 10cm là 56 gốc; loại có đường kính trên 10cm - 20cm là 213 gốc; loại có đường kính gốc từ trên 20cm - 30cm là 69 gốc; loại có đường kính trên 30cm là 32 gốc.

Tại bản kết luận giám định tư pháp theo vụ việc lĩnh vực lâm nghiệp số 04/2023/KL/GĐCN ngày 11/10/2023 của giám định viên Nông Văn H - Công tác tại Hạt kiểm lâm huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn kết luận về đối tượng giám định như sau:

Diện tích thành rừng bị chặt phá: Sử dụng máy định vị GPS đo một vòng khép kín toàn bộ diện tích có cây rừng bị chặt phá tại lô 6a, lô 07, khoảnh 5, tiểu khu 433, Bản đồ hiện trạng rừng xã X, huyện L năm 2022, diện tích đo được là 21.549m², tương đương 2,15ha.

Xác định trữ lượng rừng bị chặt phá, trạng thái rừng: Tiến hành đo, đếm toàn bộ số cây rừng bị chặt phá, tại thời điểm kiểm tra cây rừng bị chặt hạ gồm các loài cây gỗ tái sinh tự nhiên thuộc loài thông thường, hiện trường chưa bị đốt dọn. Cây rừng bị chặt hạ phân bố đều trên toàn bộ diện tích rừng bị phá, các cây rừng bị thiệt hại có đường kính tại vị trí 1,3m từ 10cm - trên 30cm, chiều cao vút ngọn từ 07m - 13m; tổng số cây rừng bị thiệt hại 370 cây; trữ lượng rừng bị thiệt hại **36,540m³**, tương đương **16,995 m³/ha**.

Căn cứ theo Phụ lục I, phân chia trạng thái rừng (*Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2018/TT- BNN&PTNT, ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng*): Diện tích bị chặt phá tại lô 6a, lô 7, khoảnh 5, tiểu khu 433 thuộc thôn P, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, thuộc trạng thái là “**rừng tự nhiên nghèo kiệt**”(10<M, có ký hiệu là **TXT**).

Loại rừng bị chặt phá: Đối chiếu diện tích rừng bị chặt phá với Bản đồ điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng xã X, huyện L năm 2020 (*Căn cứ Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030*) thì toàn bộ diện tích rừng bị chặt phá tại lô 6a, lô 7, khoảnh 5, tiểu khu 433 thuộc, quy hoạch **“rừng sản xuất”**.

Quá trình điều tra đã làm rõ được như sau: Thửa đất số 229, khoảnh 5, tiểu khu 433, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã X, huyện L năm 2009 đối chiếu Bản đồ hiện trạng rừng xã X, huyện L năm 2022 là lô 6a, lô 07, khoảnh 5, tiểu khu 433, thuộc khu đồi M, thôn P, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là đất rừng sản xuất thuộc rừng cây tự nhiên, theo Quyết định số 687/QĐ - UBND ngày 24/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt đề án rà soát điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 thì khu rừng trên thuộc quy hoạch rừng sản xuất, được phân cấp cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn quản lý. Mặc dù không được cơ quan có thẩm quyền cấp, quản lý sử dụng, chưa được phép của cơ quan chức năng nhưng Lành Văn T, sinh năm 1984, địa chỉ thôn P, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã nảy sinh ý định chặt cây rừng tự nhiên thuộc thửa đất trên với mục đích để trồng cây lâm nghiệp mở rộng diện tích đất trồng cây cho gia đình. Từ khoảng cuối tháng 6/2023, sau khi có ý định chặt phá cây rừng tự nhiên, trong quá trình chăm sóc vườn cây thông của gia đình ở khu đồi M, thuộc thôn P, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn khi nào xong việc ở vườn cây thông thì T đến khu vực rừng tự nhiên để phát cây bụi ở xung quanh các gốc và khoanh vỏ cây tự nhiên, mục đích để làm cho cây chết và sau đó dùng cưa cắt hạ cây. Đến khoảng giữa tháng 8/2023, trên đường đi làm vườn về nhà Lành Văn T có gặp 02 (hai) người nam giới không quen biết, T hỏi hai người này có làm thuê phát vườn không thì hai người này đồng ý, qua giới thiệu T biết một người tên là “Quả” và một người tên “Say” đều là người dân tộc Mông nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Khi đã đồng ý làm thuê cho T giữa hai bên thỏa thuận việc thuê mỗi ngày công lao động là 250.000 đồng (hai trăm, năm mươi nghìn đồng) và đưa “Q” và “S” đến khu rừng M giao 02 (hai) máy cưa gồm 01 (một) máy cưa xích màu xanh nhãn hiệu HYUDAI HD 8050, phần lam xích dài 52cm, rộng 7,5cm (là máy cưa của Triệu Văn Thắng, sinh năm 1992, trú tại thôn C, xã A, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, khoảng đầu tháng 7 năm 2023 Lành Văn T mượn T chiếc máy cưa trên về cắt cây củi, sau khi mượn được máy cưa và sử dụng xong nhưng chưa đem trả cho Thắng) và 01 (một) máy cưa xích màu cam nhãn hiệu HUSQVARNA 535, phần lam xích dài 46cm, rộng 7,5cm (là máy cưa của gia đình T) “Q” và “S” sử dụng để cắt hạ cây tự nhiên. Trước khi “Q” và “S” cắt cây, T chỉ khu vực rừng cây cần cắt và nói là rừng cây của T, đồng thời hướng dẫn cắt cây ở vị trí T đã khoanh sẵn từ trước cách mặt đất từ khoảng 10cm đến 20cm, “Q” và “S” cắt cây tự nhiên ở toàn bộ khu vực T đã chỉ và được khoanh sẵn khu vực bờ xung quanh, sau mỗi buổi, ngày làm “Q” và “S” ăn, nghỉ tại lán tạm của T ở ngay sát khu vực cắt cây. “Q” và “S” cắt 03 (ba) ngày thì cắt được toàn bộ số cây

trong khu vực T giao cho, khi thực hiện xong T thanh toán tiền công cho “Q” và “S” với tổng số tiền là 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng). Sau khi được T thanh toán tiền làm thuê thì “Q” và “S” đi nơi khác. Còn có khoảng 20 cây tự nhiên T không giao cho “Q” và “S” cắt là những cây ở gần bờ, có đường mòn đi lại để tránh cơ quan chức năng phát hiện ngay sau đó T đã tự dùng máy cưa của gia đình để cắt hạ những cây trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 35/KL-HĐĐGTS, ngày 04/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện L kết luận: Giá trị 370 (ba trăm bảy mươi) cây gỗ tạp bị thiệt hại là 11.658.500 đồng (mười một triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm đồng).

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, sau khi hoàn tất việc khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra đã bàn giao số cây gỗ bị chặt phá gồm 36,540m³ (ba mươi sáu phẩy năm mươi mét khối) cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn quản lý theo quy định.

Tại Bản cáo trạng số 09/CT-VKSLB, ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Lành Văn T, về tội: "Hủy hoại rừng" theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lành Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố, bị cáo đã tác động gia đình nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện L số tiền là 11.708.500 đồng để bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự, không yêu cầu lấy lại số tiền còn thừa là 49.500 đồng. Đối với số cây bị cáo chặt phá hiện nay đã bị mục, hư hỏng không còn giá trị sử dụng nên bị cáo không có ý kiến gì.

Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, người đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước số tiền là 11.658.500 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, số cây mà bị cáo chặt phá đã lâu nên đã bị mục, hư hỏng đã hết giá trị nên Ủy ban nhân dân xã X không có yêu cầu và đề nghị gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lành Văn T về tội Hủy hoại rừng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; khoản 1 Điều 54; điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 30, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo Lành Văn T cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã X, huyện L tổng số tiền là 11.708.500 đồng. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao quắm cũ đã qua sử dụng; đề nghị tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) máy cưa xích màu cam máy cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong; đối với số cây bị chặt phá hiện đã mục, hư hỏng, không đề nghị xem xét xử lý. Bị cáo được miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, do bị cáo là người dân tộc nên trình độ hiểu biết hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã được thực hiện hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định tư pháp, kết luận định giá tài sản và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng cuối tháng 6 năm 2023, khi chưa xin phép cơ quan chức năng, Lành Văn T đã tự ý đến khu vực rừng M thuộc thôn P, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã X, huyện L để phát cây bụi ở xung quanh các góc và khoanh vỏ các góc cây tự nhiên thuộc loại thực vật thông thường, với mục đích làm cho cây chết, sau đó cắt hạ để trồng cây lâm nghiệp thay thế mở rộng diện tích đất trồng cây lâm nghiệp cho gia đình. Đến khoảng giữa tháng 8 năm 2023, Lành Văn T có gặp và thuê 02 (hai) người đàn ông, một người có tên là “Q” và một người tên “S” đều là người dân tộc Mông (T không rõ họ và địa chỉ cụ thể) sử dụng cưa máy cưa hạ các cây gỗ thuộc loại thực vật thông thường tại khu rừng nói trên. Khu rừng bị phá thuộc lô 6a, lô 07, khoảnh 5, tiểu khu 433, Bản đồ hiện trạng rừng xã X, huyện L năm 2022, đối chiếu với Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã X, huyện L năm 2009 là thuộc thửa đất số 229, khoảnh 5, tiểu khu 433, có diện tích 21.549m² là rừng tự nhiên quy hoạch rừng sản xuất. Tổng số cây gỗ bị chặt phá là 370 cây (ba trăm bảy mươi), thuộc loài thực vật thông thường, trị giá 11.658.500 đồng (mười một triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn năm trăm đồng); trữ lượng rừng bị thiệt hại 36,540m³, tương đương 16,995 m³/ha. Khu rừng Lành Văn T chặt phá là rừng tự

nhiên, do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân theo điểm a khoản 1 Điều 7 Luật Lâm nghiệp. Hành vi đã thực hiện Lành Văn T đã vi phạm khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp về *nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng* là: “*Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ dự án quan T quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; dự án cấp thiết khác được Chính phủ phê duyệt*” và vi phạm điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp về *bảo vệ hệ sinh thái rừng sản xuất* là: “*Khi tiến hành các hoạt động làm ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái rừng, phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện các hoạt động đó sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép*”. Với hành vi trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lành Văn T phạm tội Hủy hoại rừng, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về rừng, xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo luật định, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện do vậy cần được xử lý theo quy định của pháp luật nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa từng bị kết án, chưa từng bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại đã gây ra, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã X, huyện L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý, bố đẻ của bị cáo là ông Lành Văn T1 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X tặng Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ năm 2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L tặng Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động công tác Hội Chữ thập đỏ nhiệm kỳ 2016-2021; Ủy ban nhân dân xã X tặng Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Hội chữ thập đỏ xã khóa IV, nhiệm kỳ 2016-2021; Huyện ủy L khen Đảng viên Chi bộ P, Đảng bộ xã X tặng đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2009; Ban chấp hành trung ương hội chữ thập đỏ Việt Nam tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp nhân đạo do đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động nhân đạo, góp phần xây dựng Hội Chữ thập đỏ Việt Nam vững mạnh nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về hình phạt chính: Hành vi Hủy hoại rừng của bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội với những người có ý định Hủy hoại rừng như bị cáo. Tuy nhiên do bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho nguyên đơn dân sự, bị cáo có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo bị áp dụng hình phạt tù, bị hạn chế khả năng thi hành do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã X, huyện Lạc Sơn yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước là 11.658.500 đồng (mười một triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm đồng) là giá trị 370 (ba trăm bảy mươi) cây gỗ tạp bị thiệt hại. Bị cáo và gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân xã X, huyện Lạc Sơn tổng số tiền 11.708.500 đồng bằng việc nộp vào Chi cục Thi hành dân sự huyện Lạc Sơn. Do vậy Hội đồng xét xử buộc và ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự tổng số tiền 11.708.500 đồng. Tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

[8] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 (một) máy cưa xích màu cam nhãn hiệu HUSQVARNA 535, phần lam xích dài 46cm, rộng 7,5cm máy cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong, cần tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước. Đối với 01 (một) con dao quắm có tổng chiều dài 75cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 35cm, cán dao bằng cây gỗ dài 40cm dao cũ đã qua sử dụng là phương tiện phạm tội không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với 01 (một) máy cưa xích màu xanh nhãn hiệu HYUDAI HD 8050, phần lam xích dài 52cm, rộng 7,5cm, máy cũ đã qua sử dụng là chiếc máy cưa Lành Văn T mượn của Triệu Văn Thắng, sinh năm 1992, trú tại thôn Co Piao, xã Ái Quốc, huyện Lạc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Triệu Văn T không biết Lành Văn T dùng máy cưa để cưa cắt cây rừng. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Triệu Văn Thắng. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Ngoài ra, trong quá trình điều tra, sau khi hoàn tất việc khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra đã bàn giao số cây gỗ bị chặt phá gồm 36,540m³ (ba mươi sáu phẩy năm trăm bốn mươi mét khối) cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn quản lý theo quy định. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với hai người đàn ông dân tộc Mông tên là “Q và S” khi làm thuê cho Lành Văn T thì T không nói cho Q và S biết về nguồn gốc khu rừng chỉ nói là rừng của gia đình. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác minh tại các thôn thuộc xã X, huyện L không có công dân nào tên là Q, S làm thuê hoặc đăng ký tạm trú tại địa bàn

xã X, huyện L. Quá trình T thuê Q và S T không hỏi rõ về họ tên địa chỉ, không có số điện thoại liên hệ nên không có cơ sở để xác minh làm rõ. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với ông Âu Văn T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân - Trưởng ban chỉ huy các vấn đề cấp bách trong quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng xã X là người được phân công nhiệm vụ trong công tác bảo vệ rừng; ông Vy Ngọc H - Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xã X. Ông Nguyễn Văn U và ông Vy Ngọc H trong năm 2023 đã trực tiếp tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã X ban hành các Kế hoạch, văn bản về công tác bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng. Trực tiếp chỉ đạo và tham gia cùng các thành viên trong Ban chỉ huy các vấn đề cấp bách trong quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng xã X, tổ đội quản chúng bảo vệ rừng trên địa bàn xã X tiến hành công tác tuần tra rừng, tuyên truyền công tác bảo vệ rừng. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi, tính chất vụ án nên xác định không có vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với bà Lộc Thị T, sinh năm 1990, địa chỉ thôn P, xã X, huyện L là vợ của Lành Văn T, việc T tự ý thuê người khác và bản thân thực hiện hành vi chặt phá rừng không có bàn bạc và không nói cho bà T biết. Do đó, không có cơ sở để xem xét xử lý đối với Lộc Thị T. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với Triệu Văn T là người cho T mượn chiếc máy cưa, khi mượn T nói mượn về cắt cây củi. Việc sử dụng máy cưa vào việc cắt hạ cây rừng tự nhiên T không biết. Do đó, Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xem xét xử lý đối với Triệu Văn Thắng. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Về án phí: Bị cáo được miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm do bị cáo là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[16] Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[17] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; khoản 1 Điều 54; điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 30, điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136; Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12,

Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lành Văn T phạm tội Hủy hoại rừng.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lành Văn T 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 03/11/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã X, huyện L tổng số tiền là 11.708.500 đồng (mười một triệu bảy trăm linh tám nghìn năm trăm đồng). Tạm giữ số tiền mà bị cáo và gia đình bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án theo 02 biên lai thu tiền, cụ thể: Số tiền 11.658.000 đồng (mười một triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002292 ngày 05/02/2024 và số tiền 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002306 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao quắm có tổng chiều dài 75cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 35cm, cán dao bằng cây gỗ dài 40cm dao cũ đã qua sử dụng.

Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) máy cưa xích màu cam nhãn hiệu HUSQVARNA 535, phần lam xích dài 46cm, rộng 7,5cm máy cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong;

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30 tháng 01 năm 2024).

5. Về án phí: Bị cáo Lành Văn T được miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an h Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHSCA h Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h L, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; người TGT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Tuyết Mai

